

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 272/2026/HC-PT

Ngày 25-3-2026.

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Dương Anh Văn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yến Xuân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt H – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2025/TLPT-HC ngày 06/10/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2025/HC-ST ngày 12-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 579/2026/QĐPT-HC ngày 10 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Cụ Huỳnh Văn D, sinh năm: 1946. vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp T, xã R, huyện P (nay là xã N), tỉnh Cà Mau; có mặt

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C; xin vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Văn D, Phó Giám đốc Sở N1 (xin vắng); ông Lê Văn M, Phó Chi cục trưởng C – Sở N1 (có mặt).

+ Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; (không còn hoạt động).

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công V, Chuyên viên Văn phòng HĐND & UBND xã N, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn H1; có mặt

- *Người kháng cáo:* Cụ Huỳnh Văn D, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Cụ Huỳnh Văn D khởi kiện yêu cầu hủy các văn bản sau:

- Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P (gọi tắt là Quyết định số 3796), về việc thu hồi 350,2m² đất của cụ Huỳnh Văn D để thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường C - V - C trên địa bàn huyện P (gọi tắt là Dự án);

- Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện P, tỉnh Cà Mau (gọi tắt là Quyết định số 3979), về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với cụ Huỳnh Văn D, bị ảnh hưởng bởi Dự án;

- Công văn số 656/UBND-TN ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Cà Mau (gọi tắt là Công văn số 656);

- Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện P (gọi tắt là Quyết định số 766) về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của cụ Huỳnh Văn D;

- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh C (gọi tắt là Quyết định số 1317) về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của cụ Huỳnh Văn D;

- Buộc UBND huyện P, tỉnh Cà Mau thực hiện công vụ đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện:

Thời điểm năm 1997, chưa có tuyến đường Cái Nước – V - C (đường Đ) nên Nhà nước thực hiện Dự án này, thu hồi đất của những hộ dân để làm đường có chiều ngang mặt lộ 25m, hộ ông Huỳnh Văn D bị ảnh hưởng bởi Dự án, bị thu hồi đất và đã được bồi thường. Năm 2004, ông Huỳnh Văn D được cấp đổi lại GCNQSD đất (đã trừ đường ĐT 986). Năm 2009, UBND Huyện xây dựng cầu B. Ông D cho rằng năm 2009, UBND Huyện đã đưa cần cuốc vào mức phần đất của Ông 3,0m chưa bồi thường cho Ông là không có cơ sở, vì theo hiện trạng đường ĐT 986 vẫn nằm trong phạm vi phần đất đã giải phóng mặt bằng năm 1997.

Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 02/12/2021. Ngày 04/10/2023, UBND huyện P ban hành Quyết định số 3796 thu hồi 350,2m²

đất của cụ Huỳnh Văn D; ngày 12/10/2023 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3979 bồi thường, hỗ trợ cho cụ D tổng số tiền 261.256.024 đồng. Cụ D có đơn yêu cầu xem xét lại các quyết định trên. Ngày 07/02/2024, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Công văn số 656 về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của cụ D, với nội dung, không xem xét kiến nghị của cụ D.

Cụ D khiếu nại Công văn số 656, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 766 về việc giải quyết khiếu nại của cụ D (Lần đầu), giữ nguyên nội dung Công văn số 656. Do đó, Chủ tịch UBND Huyện và UBND Huyện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ D.

Quá trình tham gia tố tụng, Chủ tịch UBND tỉnh C cung cấp tài liệu, chứng cứ và Văn bản số 10534/UBND-NC ngày 12/12/2024 về việc ý kiến và cung cấp thông tin, thể hiện nội dung:

Sau khi Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 766, ông D không đồng ý nên khiếu nại Quyết định này. Chủ tịch UBND tỉnh C ban hành Quyết định số 1317, có nội dung, công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 766. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1317 của cụ D, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ D.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 18/2025/HC-ST ngày 12-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử (tóm tắt):

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn D về yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

- Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, về việc thu hồi 350,2m² đất của cụ Huỳnh Văn D để thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường C - V - C trên địa bàn huyện P;

- Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với cụ Huỳnh Văn D bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường C - V - C trên địa bàn huyện P;

- Công văn số 656/UBND-TN ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P;

- Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của cụ Huỳnh Văn D (lần đầu).

- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại của cụ Huỳnh Văn D (lần hai).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/6/2025, người khởi kiện cụ Huỳnh Văn D kháng cáo Bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ D.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận:

Năm 2009, UBND huyện P đưa cơ giới vào mức đất của cụ D 03m chưa bồi thường. Phần đất từ mép lộ nhựa trở vào đất cụ D đến phần ranh nâng cấp mở rộng là đất của cụ D chưa bồi thường, không phải là đất của tuyến đường ĐT 986 trước đây.

Năm 1997, giải phóng mặt bằng đường ĐT 986 với chiều ngang là 25m; nếu tính từ ranh giải phóng mặt bằng mép bờ kè 10m thì cụ D đồng ý, nhưng thực tế UBND đã thu hồi đất tính từ mép bờ kè vào đến ranh giải phóng mặt bằng là 12,2m, như vậy, chiều ngang đường ĐT 986 rộng 27,2m là thừa 2,2m; phần 2,2m đất chiều ngang thuộc quyền sử dụng của cụ D, cho nên UBND huyện phải bồi thường thêm về đất và tài sản trên đất; do Quyết định số 3796 thể hiện chỉ thu hồi 350,2m² đất của cụ D là không đúng mà quyết định phải thể hiện diện tích thu hồi nhiều hơn và Quyết định số 3979 phải bồi thường, hỗ trợ số tiền nhiều hơn.

Căn cứ yêu cầu hủy các quyết định: Bản đồ địa chính qua các thời kỳ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đứng tên Hứa Minh Đ (hộ giáp ranh đất cụ D).

Căn cứ yêu cầu hủy các quyết định: Đường ĐT 986 có chiều ngang 25m (trong đó mặt lộ ngang 10m), nhưng UBND huyện mở rộng mặt lộ 12,2m, dẫn đến đường ĐT 986 rộng 27,2m; phần thừa 2,2m là đất thuộc quyền sử dụng của cụ D, nhưng UBND huyện không bồi thường. Căn cứ xác định đất thuộc quyền sử dụng của cụ D: Bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hứa Minh Đ (là hộ giáp ranh cụ D).

Do đó, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N bị kiện tranh luận:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ D, bởi vì Nhà nước thu hồi 350,2m² đất của cụ D và đã bồi thường; phần diện tích mà ông H1 đặt ra không thuộc quyền sử dụng của cụ D; trước khi thực hiện Dự án thì cơ quan chuyên môn đã đo đạc, kiểm đếm nhiều lần, do cụ D có khiếu nại nên UBND huyện tổ chức đo đạc lại và kết quả phân đất mà ông H1 đặt ra 173m² không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ D, Giấy chứng nhận của cụ D được cấp năm 2004 đã trừ đường lộ ĐT 986 ngang 25m, UBND huyện thực hiện nâng cấp lộ trong phạm vi 25m.

Tại Biên bản làm việc ngày 25/3/2024, cụ D thừa nhận đã nhận tiền bồi thường phần 25m tuyến đường ĐT 986 năm 1997, nên không yêu cầu, khiếu nại phần này và không yêu cầu cung cấp Quyết định thu hồi đất, Giấy nhận tiền, Biên bản bàn giao mặt bằng, chỉ yêu cầu xác định lại ranh tuyến đường ĐT 986.

Việc cụ D tự xác định vị trí ranh giới tuyến đường ĐT 986 trước đây là tính từ mép lộ nhựa hiện trạng trở ra kênh mương lộ nhưng không đưa ra được bằng chứng, tài liệu để chứng minh là không có cơ sở xem xét. Mặt khác, sau khi thực hiện Dự án tuyến đường ĐT 986 năm 1996-1997, tuyến đường này đã được chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính qua các năm và kết quả đo đạc, xác định ranh giới ngoài thực địa và trùng khớp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ D, được UBND huyện P cấp ngày 26/8/2004, số Đ 919109 và hồ sơ địa chính.

Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật đất đai 2013, cơ sở pháp lý để xác định ranh giới thửa đất và tính bồi thường, hỗ trợ là GCNQSD đất được cấp là phù hợp theo quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N bị kiện là có căn cứ pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện cụ Huỳnh Văn D làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện, thấy rằng, Quyết định số 3796 của UBND huyện P thu hồi 350,2m² đất của cụ Huỳnh Văn D. Người khởi kiện cho rằng, diện tích thu hồi là không đúng vì thu hồi thiếu 173m² đất nằm trong GCNQSD đất của cụ Huỳnh Văn D. Còn theo Người bị kiện, thì diện tích đất 173m² không nằm trong GCNQSD đất đứng tên cụ Huỳnh Văn D.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Người khởi kiện thực hiện nghĩa vụ chứng minh thông qua việc đo đạc thực tế hiện trạng đất của cụ D nhưng Người khởi kiện từ chối. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Xét thấy, năm 1997, thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường ĐT 986, Nhà nước thu hồi đất của các hộ dân ở dọc tuyến đường với chiều ngang lộ 25m (bao gồm kênh khoan đào và nền đường); cụ D bị ảnh hưởng bởi Dự án và đã được bồi thường; đến năm 2004, cụ D được cấp đổi lại GCNQSD đất số Đ 919109, tại sơ đồ vị trí, thửa đất số 476 (của cụ D) có định vị tuyến đường ĐT 986 (bao gồm mương lộ và nền đường). Thực hiện Dự án, ngày 23/3/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh C cùng cơ quan chức năng tại địa phương đã đo đạc lại, cắm ranh ngoài thực địa và xác định ranh giới tuyến đường ĐT 986, theo đó, phần đất cụ D yêu cầu có chiều ngang 2,2m, nhưng không chứng minh được nằm trong GCNQSD đất của cụ D.

[5] Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng*

thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.” Như vậy, căn cứ để xác định ranh giới thửa đất và tính bồi thường, hỗ trợ là GCNQSD đất số Đ 919109 cấp cho cụ D. UBND huyện P căn cứ vào tài liệu này để xác định vị trí, diện tích thu hồi là đúng quy định trên. Phần đất cụ D yêu cầu bồi thường (173m²) không nằm trong GCNQSD đất nêu trên (được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính ngày 23/3/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau và tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bản mô tả ranh giới thửa đất).

[6] Quyết định số 3796 thu hồi của cụ D 350,2m² đất và Quyết định số 3979 bồi thường, hỗ trợ cho cụ D số tiền 261.256.024 đồng đã được thi hành xong và đã bàn giao đất để thi công. Cụ D khiếu nại các quyết định trên nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các quyết định này là trái pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện P giải quyết (tại Quyết định số 766) không chấp nhận khiếu nại của cụ D (lần đầu), và Chủ tịch UBND tỉnh C giải quyết (tại Quyết định số 1317) không chấp nhận khiếu nại của cụ D (lần hai) là đúng quy định của pháp luật.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp yêu cầu của Người khởi kiện đối với N bị kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của cụ D là phù hợp với nhận định trên.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Cụ Huỳnh Văn D thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên cụ D không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện cụ Huỳnh Văn D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2025/HC-ST ngày 12-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Áp dụng khoản 16 Điều 3, khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21, Điều 31 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn D về yêu cầu hủy các văn bản hành chính:

- Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau, về việc thu hồi 350,2m² đất của cụ Huỳnh Văn D để thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường C - V - C trên địa bàn huyện P;

- Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với cụ Huỳnh Văn D bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường C - V - C trên địa bàn huyện P;

- Công văn số 656/UBND-TN ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau;

- Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau về việc giải quyết khiếu nại của cụ Huỳnh Văn D (lần đầu);

- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại của cụ Huỳnh Văn D (lần hai).

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Cụ Huỳnh Văn D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, VNYX.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn